

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tháng 10-12

Năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

- 1 - Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ Phần
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán
- 3 - Tổng số công nhân viên và người lao động: 77
- 4 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 1/1/2014 kết thúc vào ngày 31/12/2014) VND
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng : Thông tư 95/2008/TT-BTC
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán viết nam
- 3 - Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính. Công ty sử dụng phần mềm kế toán Sunsystem

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.: Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận và lập báo cáo theo đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: tỷ giá thực tế
- 2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCD
- Nguyên tắc ghi nhận TSCD (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Ghi nhận theo nguyên giá. Trong bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chi tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại
- Phương pháp khấu hao TSCD (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Phương pháp đường thẳng
- 3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính: theo quy định của Bộ tài chính
- Các khoản đầu tư vào công ty con;
- Các khoản: vốn góp liên doanh;
- Các khoản đầu tư chứng khoán;
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

- 4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:
- Chi phí tra trước: gồm các khoản chi phí trước khi thành lập; được phân bổ 1 năm. Và các khoản kết chuyển công cụ dụng cụ (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là I.SCD); được phân bổ theo thời gian sử dụng của tài sản... Các khoản chi phí tra trước 1 năm: đất bảo, tạp chi, tin tức...
- Chi phí khác:
- Phương pháp phân bổ chi phí tra trước: Phương pháp đường thẳng

- 5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Ghi nhận 1 số khoản chi phí chưa chi bằng tiền mặt vào kỳ: điện thoại, điện nước.... Cơ sở để ghi nhận là chi phí của những tháng trước liền kề

- 6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: chưa lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

- 7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, tăng dự vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận của doanh nghiệp từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm này

- 8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ...tuần thu theo

- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập

- 10- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: không phát sinh

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán
(Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	39,467,261	18,194,150
- Tiền gửi ngân hàng	245,341,612,058	233,598,469,884
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi về bán chứng khoán bao lãnh phát hành	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	8,620,365,608	2,655,386,503
Cộng	254,001,444,927	236,272,050,537

02. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ

Cuối kỳ	Đầu kỳ
-	-
-	-
-	-

Cộng

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác (nếu có).....

03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG THÁNG 10-12/2014

Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm									
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	5.301.306.792	1.061.100.525	86.945.166	79.781.291	29.475	29.475	5.191.492	1.199.097	139.491.150
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không phát sinh - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không phát sinh - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: Không phát sinh - Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh - Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không phát sinh 									
06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình									
Khoản mục									
Nguyên giá TSCĐ vô hình									
Số dư đầu năm									
- Mua trong năm									
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp									
- Tăng do hợp nhất kinh doanh									
- Tăng khác									
- Thanh lý, nhượng bán									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm									
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm									
- Khấu hao trong năm									
- Tăng khác									
- Thanh lý, nhượng bán									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm									
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình									
- Tại ngày đầu năm									
- Tại ngày cuối năm									

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

07. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình
- Chi phí trích trước khác: ngắn hạn

Cuối kỳ Đầu kỳ

160,368,584 526,278,706

821,932,639

587,603,663

7,929,123,098

821,932,639

587,603,663

- Chi phí trích trước khấu dài hạn	226,336,145	353,824,830
Cộng	386,704,729	880,103,536

*** Thuyết minh số liệu và giải trình khác:**

- Chi phí trích trước khác ngắn hạn: tra trước thuế văn phòng, mua ban tin... dưới 1 năm
- Chi phí trích trước khác dài hạn bao gồm sửa văn phòng và thiết bị văn phòng không đủ tiêu chuẩn ghi nhận như tài sản cố định.

08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	31,323,625	39,684,408
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	789,131,045	618,604,184
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác: thuế nhà thầu	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	820,454,670	658,288,592

09. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản trừ dài hạn thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền nộp ban đầu	1,920,504,179	1,920,504,179
- Tiền nộp bổ sung	-	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	107,233,344	-
	2,027,737,523	1,920,504,179

11. Các khoản phải thu:

Chi Tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tang	Giảm	Tồn
A	1	2	3	4	5	6
1. Trả trước cho người bán	1.505.831.863			738.720.000	2.148.431.863	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán - Phải thu của Sơ (Trung tâm) GDCK - Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán - Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	140.451.810.708			1.365.246.017.988	1.385.256.413.491	120.44
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán - Phải thu thành viên khác	20.574.666.200			2.021.756.888.101	2.020.409.910.301	21.92
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-			111.463.984	111.463.984	-
4. Phải thu nội bộ	-			-	-	-
5. Phải thu khác	115.490.541			318.589.042	367.477.273	6
Tổng cộng:	162.647.799.312	-	-	3.388.171.679.115	3.408.293.696.912	142.52

Trong đó:

- Số phải thu bằng ngoại tệ (quĩ ra USD): không phát sinh
- Lý do tranh chấp, mất khả năng thanh toán: không phát sinh

Khoản phải thu khác là: lãi suất tiền gửi ngân hàng dài hạn sẽ phải thu hồi, công ty đã trích trước và ghi nhận doanh thu hàng tháng, hoạt động hỗ trợ khách hàng
Thế chấp, kỷ cược, quỹ dài hạn; đặt cọc thuê văn phòng

12. Chi phí phải trả:

- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh
- Khoản phải trả khác ...

Cộng

Cuối kỳ	Đầu kỳ
-	-
Cộng	Cộng
196.317.513	2.584.825.747
378.114.674	410.445.496
6.257.470	26.197.450
49.165.740.784	67.273.083.363
-	-
49.746.430.441	70.294.552.056

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Doanh thu chưa thực hiện
- Các khoản phải trả, phải nộp khác
- Phải trả nhân viên
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán
- Phải trả hộ có tức, gốc và lãi trái phiếu
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán
- Phải trả to chức phát hành chứng khoán
- Phải trả, tạm ứng cho nhà cung cấp

Cộng

14. Phải trả dài hạn nội bộ:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- ...	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng		
15. Vay và nợ ngắn hạn:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay thấu chi ngân hàng	-	-
Vay công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd	9.793.301,420	-
Vay Ngân Hàng Maybank - CN Hà Nội	41.920.000,000	31.940.000,000
Cộng	51.713.301,420	31.940.000,000

- Các khoản nợ thuế tài chính; không phát sinh

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống				
Trên 1 năm đến 5 năm				
Trên 5 năm				
			Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả gốc

16. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
A	1	2	3	4
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000			300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-			-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-			-
4. Có phiếu quỹ (*)	(625,332,500)			(625,332,500)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	2,073,886,024			2,073,886,024
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,073,886,023			2,073,886,023
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4,694,779,752)	437,654,326		(4,257,125,426)
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-			-
Tổng cộng:	298,827,659,795	437,654,326	-	299,265,314,121

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính:.....)

1- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Kỳ này

Kỳ trước

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
 - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay
 - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tại sản phẩm thu nhập hoãn lại
 - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
 - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
 - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả
 - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo:

- Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.
- Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: 324

- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn.
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.
- Các khoản khác...

VIII- Những thông tin khác

- 1- Thông tin về các bên liên quan: Không phát sinh
- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không phát sinh
- 3- Những thông tin khác: (3) không phát sinh

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Lan Phương



Cao Thị Bảo Lê

Lập ngày 14/01/2015

Tổng Giám Đốc



Trần Thị Ngọc